



2023 Canadian Bridge Championships

National Teams - CNTC-A

Round Robin - Day 1



Teams	Rank	Total	Adj.	Round 1		Round 2		Round 3		Round 4		Round 5		Round 6		Round 7	
				vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP
1 L'Écuyer	1	106.01		v2	16.68	v3	14.09	v5	18.68	v7	17.87	v9	14.68	v11	5.04	v13	18.97
2 Hanna	4	76.92		v1	3.32	v5	17.69	v9	3.77	v13	17.50	BYE	10.00	v12	9.14	v8	15.50
3 Martineau	13	57.23		v4	7.58	v1	5.91	v7	7.23	v11	13.45	v15	10.86	v14	6.88	v10	5.32
4 Janicki	12	59.25		v3	12.42	v7	12.42	v11	3.77	v15	5.32	v14	3.54	v10	16.46	v6	5.32
5 Kovacevic	11	61.21		v6	14.68	v2	2.31	v1	1.32	v9	4.25	v13	18.21	BYE	10.00	v12	10.44
6 Zheng	9	64.95		v5	5.32	v9	10.86	v13	10.86	BYE	10.00	v12	4.50	v8	8.73	v4	14.68
7 Zhang	10	62.57		v8	12.05	v4	7.58	v3	12.77	v1	2.13	v11	20.00	v15	4.50	v14	3.54
8 Luo	14	54.62		v7	7.95	v11	2.31	v15	13.78	v14	7.23	v10	7.58	v6	11.27	v2	4.50
9 Kersey	5	73.90		v10	12.42	v6	9.14	v2	16.23	v5	15.75	v1	5.32	v13	5.04	BYE	10.00
10 Yu	6	70.27		v9	7.58	v13	10.00	BYE	10.00	v12	12.05	v8	12.42	v4	3.54	v3	14.68
11 Todd	3	81.49		v12	14.39	v8	17.69	v4	16.23	v3	6.55	v7	0.00	v1	14.96	v15	11.67
12 Chen	8	68.34		v11	5.61	v15	14.09	v14	4.77	v10	7.95	v6	15.50	v2	10.86	v5	9.56
13 Burns	15	42.52		v14	3.10	v10	10.00	v6	9.14	v2	2.50	v5	1.79	v9	14.96	v1	1.03
14 Feldman	2	100.94		v13	16.90	BYE	10.00	v12	15.23	v8	12.77	v4	16.46	v3	13.12	v7	16.46
15 Jacob	7	69.78		BYE	10.00	v12	5.91	v8	6.22	v4	14.68	v3	9.14	v7	15.50	v11	8.33